TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số: 01/2018/HNST
Ngày 18/01/2018
Về việc: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Tính.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Hoàng Oanh.
2. Ông Nguyễn Thanh Dũ.
Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phan Văn Chung – Thư ký tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.
Đại diện Vện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 217/2018/TLST – HN ngày 23 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp "Xin ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2017/QĐST – DS ngày 25/12/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Lương Văn N**, sinh năm 1980.
Đại diện theo pháp luật: Bà **Hồ Thị H**, sinh năm 1962 (xin vắng mặt).
Cùng địa chỉ: ấp Đ, xã H, huyện P, tỉnh Tiền Giang.
2. Bị đơn: Chị **Dương Thị Trúc L**, sinh năm 1987 (xin vắng mặt).
Địa chỉ: ấp Đ, xã H, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Về hôn nhân: Chị L và anh N chung sống với nhau năm 2007, do tự nguyện đến năm 2009 đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì anh N bị tai nạn lao động dẫn đến mất năng lực hành vi dân sự (căn cứ theo quyết định số 03/2015/QDDS-ST ngày 08/12/2015 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang). Cuộc sống hôn nhân giữa chị L và anh N không thể tiếp tục được do chị L về nhà cha mẹ ruột sống, từ đó đến nay bà H là người trực tiếp chăm sóc anh N.

Nay bà H là mẹ ruột đại diện theo pháp luật cho anh N yêu cầu cho anh N được ly hôn với chị L.

Về con chung: Chị L và anh N có 02 con chung tên Lương Ánh T, sinh ngày 14/04/2010 và Lương Gia Q, sinh ngày 04/10/2008, hiện hai cháu đang sống cùng chị L. Tòa cho ly hôn bà H và chị L thống nhất để chị L tiếp tục nuôi hai cháu T và cháu Q, không yêu cầu anh N do bà H đại diện cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà H và chị L không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa cùng ý kiến phát biểu của kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử xác định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà H là mẹ ruột đại diện theo pháp luật của anh N là người mất năng lực hành vi dân sự yêu cầu Tòa giải quyết cho anh N được ly hôn với chị L. Căn cứ khoản 2 Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình xác định là tranh chấp "xin ly hôn".

[2] Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn chị Dương Thị Trúc L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Đ, xã H, huyện P, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về tố tụng: Xét thấy bà Hồ Thị H là đại diện theo pháp luật của anh N là nguyên đơn và chị Dương Thị Trúc L là bị đơn trong vụ án có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt bà H và chị L.

[4] Về hôn nhân: Bà H yêu cầu cho anh N được ly hôn với chị L vì trong thời gian anh N bị tai nạn lao động dẫn đến mất năng lực hành vi dân sự, mọi sinh hoạt hằng ngày cần phải có gười chăm sóc nhưng chị L đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống không chăm sóc anh N làm cho đời sống vật chất và tinh thần của anh N suy sụp, sức khỏe giảm sút. Bà H là người trực tiếp chăm sóc anh N trong thời gian chị L bỏ đi. Chị L cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H vì khi anh N không còn nhận thức được giữa chị và mẹ chồng là bà H xảy ra mâu thuẫn nên chị phải về nhà cha mẹ ruột sống. Xét mâu thuẫn giữa chị L và anh N là không có nhưng do mâu thuẫn với mẹ chồng là bà H nên chị L về nhà cha mẹ ruột sống nên không có điều kiện chăm sóc anh N dẫn đến tinh thần, sức khỏe của anh suy sụp. Hiện tại, anh N vẫn đang trong tình trạng mất năng lực hành vi dân sự không nhận thức được mọi việc xung quanh nên cần có người chăm sóc, bà H hiện là người trực tiếp chăm sóc cho anh N, để đảm bảo cho sức khỏe, tinh thần của anh N ổn định. Xét chị L cũng đồng ý ly hôn với anh N cho thấy chị L không còn tình cảm với anh N. Như vậy, tình cảm giữa anh N và chị L hiện tại không

còn nên việc bà H yêu cầu cho anh N được ly hôn với chị L là có căn cứ là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[5] Về con chung: Chị L yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi hai con chung là cháu Lương Ánh T, sinh ngày 14/04/2010 và Lương Gia Q, sinh ngày 04/10/2008. Xét yêu cầu về con chung của chị L được bà H đồng ý và chị L là người đang trực tiếp chăm sóc cháu T và cháu Q, để đảm bảo cho việc sinh hoạt, học tập của hai cháu không bị xáo trộn cần để chị L tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu T và Q. Khi cần thiết vì quyền lợi của hai cháu chị L hoặc bà H có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

[6] Về cấp dưỡng: Chị L không có yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này các bên có tranh chấp Tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ án khác.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và chị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp Tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ án khác.

[8] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Lương Văn N do bà Hồ Thị H đại diện theo pháp luật phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẻ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 2 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lương Văn N do bà Hồ Thị H đại diện theo pháp luật đối với chị Dương Thị Trúc L.

Về hôn nhân: Anh Lương Văn N được ly hôn với chị Dương Thị Trúc L.

Về con chung: Giao hai cháu Lương Ánh T, sinh ngày 14/04/2010 và Lương Gia Q, sinh ngày 04/10/2008 cho chị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận việc chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Anh N do bà H đại diện theo pháp luật được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2. **Về án phí**: Anh Lương Văn N do bà Hồ Thị H đại diện theo pháp luật phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000đ tạm ứng

án phí đã nộp theo biên lai thu số 18888 ngày 19/10/2017 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước. Vậy anh N đã nộp xong án phí.

3. **Về quyền kháng cáo**: Bà H, chị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Hữu Tính

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện Tân Phước;
- CC.THADS huyện Tân Phước;
- UBND xã H, P;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.